

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **155/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: **18/11/2019**

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Văn Thanh**.

2. Bà **Trần Thị Út**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **18 tháng 11 năm 2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **537/2019/TLST-HNGĐ** ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **187/2019/QĐXXST-HNGĐ** ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Mộng N**, sinh năm 1974. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 11/10/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị D trình bày:

Chị và anh Huỳnh Mộng N kết hôn năm 1992, đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2004 tại UBND xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh N không tôn trọng chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau rất nhiều. Chị đã cố gắng chịu đựng để lo cho con, hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân từ nửa năm nay. Nay chị yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Mộng N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Mộng K, sinh ngày 24/4/1994, đã thành niên và Huỳnh Mộng Yến V, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn, chị Huỳnh Thị D

yêu cầu nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Huỳnh Mộng Yến V, không yêu cầu anh Huỳnh Mộng N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận;
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Huỳnh Mộng N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị D vì mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn. Trong quá trình sống chung, vợ chồng sẽ có những mâu thuẫn, anh đề nghị cho anh thời gian để vợ chồng suy nghĩ về mối quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Mộng K, sinh ngày 24/4/1994 và Huỳnh Mộng Yến V, sinh ngày 05/10/2008. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Yến V cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận;
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Huỳnh Mộng N, giao con chung chưa thành niên tên Huỳnh Mộng Yến V, sinh ngày 05/10/2008 cho chị D nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Huỳnh Mộng N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Mộng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01 ngày 12/7/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Huỳnh Thị D cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không tôn trọng, có những lời nói xúc phạm chị; không quan tâm đến lời chị góp ý; không quan tâm đến việc kinh doanh của vợ chồng,

anh N đánh chị, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nhưng chị đã cố gắng chịu đựng cho đến nay để lo cho con. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không khả năng hàn gắn, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Mộng N.

[4] Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị D trình bày chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N, chị kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, không đồng ý hàn gắn tình cảm cũng như cho anh N cơ hội để đoàn tụ.

[5] Bị đơn Huỳnh Mộng N không đồng ý ly hôn, anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị Huỳnh Thị D không có gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình nhưng anh không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và thuyết phục chị D hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[6] Xét, mâu thuẫn giữa chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Mộng N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Mộng K, sinh ngày 24/4/1994, đã thành niên và Huỳnh Mộng Yến V, sinh ngày 05/10/2008. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Yến V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

[8] Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/11/2019, anh Huỳnh Mộng N trình bày, nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Yến V cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

[9] Xét, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Huỳnh Thị D phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp nguyện vọng cháu Yến V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Mộng N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Huỳnh Mộng N thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, là có căn cứ.

[13] Về án phí: Nguyên đơn Huỳnh Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Mộng N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Mộng K, sinh ngày 24/4/1994, đã thành niên và Huỳnh Mộng Yến V, sinh ngày 05/10/2008.

Giao con chung chưa thành niên tên Huỳnh Mộng Yến V cho chị Huỳnh Thị D nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Mộng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Mộng N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17206 ngày 22/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Huỳnh Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Mộng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã PN, H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm